

Phụ lục III

**BẢNG GIÁ ĐẤT Ở; ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ; ĐẤT CƠ SỞ SẢN XUẤT
PHI NÔNG NGHIỆP ĐẤT SỬ DỤNG CHO HOẠT ĐỘNG KHOÁNG SẢN TẠI
KHU VỰC 2**

*(Kèm theo Nghị quyết số 19/2025/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2025
của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai)*

Đơn vị tính: nghìn đồng/m²

1. XÃ CỐC SAN

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp; Giá đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
1	Tuyến đường Quốc lộ 4D			
1.1	Từ địa phận phường Lào Cai đến đường Tỉnh lộ 155 (đường Sapa - Lào Cai)	9.000	5.400	4.500
1.2	Từ đường Tỉnh lộ 155 (đường Sapa - Lào Cai) đến ngã ba đường vào thôn Luồng Láo 1 (đường vào nhà máy thủy điện Cốc San)	5.000	3.000	2.500
1.3	Từ ngã ba đường vào thôn Luồng Láo 1 (đường vào nhà máy thủy điện Cốc San) đến đường T1 (Quy hoạch chi tiết trung tâm xã Cốc San)	4.000	2.400	2.000
1.4	Từ đường T1 đến đường An San	5.000	3.000	2.500
1.5	Từ đường An San đến ngã rẽ đi vào nhà máy thủy điện Cốc San Thượng	3.000	1.800	1.500
1.6	Từ đường An San đến ngã rẽ đi vào nhà máy thủy điện Cốc San	2.000	1.200	1.000
1.7	Từ đoạn ngã rẽ thủy điện Cốc San đến giáp địa phận xã Tóng Sành (cũ)	1.000	600	500
1.8	Từ địa phận xã Tòng Sành cũ đến giáp xã Tả Phìn	500	300	250

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp; Giá đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
2	Đường tỉnh lộ 155			
2.1	Từ giáp địa phận phường Cam Đường (thuộc thôn Luồng Láo 2) đến đoạn nối từ Quốc lộ 4D đi đến đường tỉnh lộ 155 (đường Sapa - Lào Cai)	2.500	1.500	1.250
2.2	Từ Đoạn nối từ Quốc lộ 4D đi đến đường tỉnh lộ 155 (đường Sapa - Lào Cai) ngã rẽ đường đi thôn Ún Tà	1.500	900	750
2.3	Từ đường đi thôn Ún Tà đến hết địa phận xã Cốc San (cũ)	800	480	400
2.4	Đoạn từ hết địa phận xã Cốc San cũ đến hết giáp xã Tả Phìn	400	240	200
2.5	Đoạn nối từ Quốc lộ 4D đi đến đường tỉnh lộ 155 (đường Sapa - Lào Cai)	4.000	2.400	2.000
3	Đường Liên xã (xã Đồng Tuyển cũ)			
3.1	Từ phường Lào Cai đến khu tái định cư số 4 (thôn 5,6 xã Đồng Tuyển cũ)	2.500	1.500	1.250
3.2	Từ đầu khu tái định cư số 4 (thôn 5,6 xã Đồng Tuyển cũ) đến trụ sở UBND xã Đồng Tuyển cũ	2.500	1.500	1.250
3.3	Đoạn đường trước cửa Trụ sở UBND xã Đồng Tuyển cũ đi trường Nguyễn Bá Ngọc	2.500	1.500	1.250
3.4	Từ trụ sở UBND xã Đồng Tuyển cũ đến Khu tái định cư thôn 3	4.000	2.400	2.000
3.5	Từ cuối khu tái định cư thôn 3 đến Quốc lộ 4D	4.000	2.400	2.000

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp; Giá đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
4	Khu tái định cư cao tốc thôn 3 (Đồng Tuyển cũ)			
4.1	Đường N1	4.000	2.400	2.000
4.2	Phố Cùm Thượng (đường N2)	3.500	2.100	1.750
5	Đường ô tô trục chính (đường chuyên dùng của mỏ Apatit)			
	<i>Toàn tuyến tách thành 04 đoạn:</i>			
5.1	Từ ngã tư giao Quốc lộ 4D (đường đi nhà máy rác) đến hết điểm ngầm tràn đi phường Cam Đường	2.000	1.200	1.000
5.2	Từ ngã tư giao QL 4D (đường đi nhà máy rác) đến hết điểm trường mầm non thôn Tòng Mòn	2.000	1.200	1.000
5.3	Từ hết điểm trường mầm non thôn Tòng Mòn hết khu tái định cư số 3	1.500	900	750
5.4	Từ TĐC số 3 đến hết tuyến đường	2.000	1.200	1.000
6	Khu tái định cư số 4, thôn 5,6 (Đồng Tuyển cũ)			
6.1	Phố Lạc Việt	2.500	1.500	1.250
6.2	Phố Vạn Xuân	2.000	1.200	1.000
6.3	Các tuyến còn lại	2.000	1.200	1.000
7	Đường gom cao tốc thôn 3 Đồng Tuyển cũ (Từ cầu chui cao tốc đi vào khu ông Đam, đến hết đường gom)	2.000	1.200	1.000
8	Đường gom cao tốc thôn 4 Đồng Tuyển cũ (Từ cầu chui cao tốc đi vào khu ông Tăng, đến hết đường gom)	2.000	1.200	1.000
9	Đường gom cao tốc thôn Cùm Hạ 1 Đồng Tuyển cũ (Toàn tuyến)	1.500	900	750

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp; Giá đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
10	Đường An San (Từ Km9 QLô 4D đi nhà máy thủy điện Cốc San đến ngã tư đi thôn Luồng Đơ, đường vào thủy điện)	2.000	1.200	1.000
11	Đường Luồng Láo 1 (Từ ngã ba giao đường 4D đến hết nhà máy thủy điện)	2.000	1.200	1.000
12	Đường Ún Tà (Từ đầu cầu treo Ún Tà đi vào hết khu dân cư)	700	420	350
13	Đường T1 (Từ ngã ba giao QL 4D hướng Lào Cai đi Sa Pa đến ngã ba giao QL 4D đối diện cây xăng)	2.500	1.500	1.250
14	Đường liên xã từ xã Cốc San đi xã Bát Xát			
14.1	Từ QL 4D đến hết địa phận thôn Tòng Chú	1.000	600	500
14.2	Từ hết địa phận thôn Tòng Chú đến hết địa phận thôn Tòng Xanh 1	700	420	350
14.3	Từ hết địa phận thôn Tòng Xanh 1 đến giáp xã Bát Xát	500	300	250
15	Đường T5 (Từ T1 vào chợ Cốc San)	2.000	1.200	1.000
16	Các đường quy hoạch thuộc dự án Hạ tầng kỹ thuật bờ tả, bờ hữu Tòng Chú	4.000	2.400	2.000
17	Các tuyến đường thuộc dự án Khu đô thị mới Cốc San	5.000	3.000	2.500
18	Các đường của Khu tái định cư số I, Khu tái định cư số II, Khu tái định cư số III	1.000	600	500

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp; Giá đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
19	Các tuyến đường thuộc dự án HTKT Cúm Thượng (thôn Cúm thường)	5.000	3.000	2.500
20	Các tuyến đường khác còn lại (thuộc xã Đồng Tuyển (cũ))	800	480	400
21	Các tuyến đường khác còn lại (thuộc xã Cốc San (cũ))	400	240	200
22	Các tuyến đường khác còn lại (thuộc xã Tòng Sành cũ)	150	90	80
23	Các đường khu tái định cư Tả Hồ	150	90	80
24	Các đường khu tái định cư thôn Séo Tòng Sành	150	90	80
25	Thôn Tòng Chú			
25.1	Đoạn đường liên thôn thuộc thôn Tòng Chú (đoạn từ Cầu Tòng Chú đến hết địa phận thôn Tòng Chú)	1.390	830	700
25.2	Đoạn đường liên thôn giáp ranh địa phận thôn Tòng Chú đi thôn Tòng Xanh (đoạn đường từ nhà ông Đoàn Văn Sơn thôn Tòng Xanh 1 đến ngã tư thôn Tòng Xanh nhà ông Vương Văn Trảng)	1.390	830	700